TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày: 17/4/2023
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương
2. Ông Lâm Huỳnh Đệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam; Trụ sở: Tầng trệt và tầng hai Tòa nhà Sailing Tower, số 11 Pastuer, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn D và hoặc ông Đoàn Tiến D và/hoặc ông Đặng Hữu P; Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhá Pax Sky, số 2 đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số UQ422.21 ngày 18/10/2021) (vắng mặt- có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Thành C, sinh năm 1986; Địa chỉ: 25- 27 đường Dương Tử Giang, Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 13/10/2021, Bản tự khai, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Ông Đặng Hữu P trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Thành C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019, theo nội dung thỏa thuận, ông Trần Thành C vay số tiền là 151.000.000 đồng; Mục đích vay tiêu dùng; Thời hạn vay là 48 tháng; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải

ngân là 17.5%/năm; Hoàn trả khoản vay gốc và lãi với số tiền là 4.396.270 đồng vào ngày 02 (hai) hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 02/9/2019; Trả phí: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ngày 23/7/2019, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 151.000.000 đồng theo Đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19.

Ngân hàng cũng đã cấp cho ông Trần Thành C loại thẻ tín dụng VIC Cash Back theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019; Số thẻ là 512824xxxxxx5423; Ngày cấp: 23/7/2019; Hạn mức thẻ là 15.000.000 đồng; Hiệu lực thẻ: ngày 31/7/2024; Lãi suất, phí: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện VIC Cash Back từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019, ông C đã trả số tiền nợ gốc là 15.239.917 đồng, nợ lãi là 15.533.973 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng VIC Cash Back số 512824xxxxxx5423, ông Công đã trả số tiền là 10.739.075 đồng nhưng kể từ ngày 04/5/2021, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Thành C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay cho Ngân hàng Thương mại A Quốc tế Việt Nam 02 khoản vay tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 17/4/2023 là: 283.347.888 đồng (Hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng, trong đó: nợ gốc 149.306.466 đồng, nợ lãi 103.162.142 đồng, nợ phí là 30.879.280 đồng. (Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019: nợ gốc: 135.760.083 đồng, nợ lãi: 97.483.799 đồng; Đối với khoản vay Thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/7/2019: nợ gốc: 13.546.383 đồng, lãi quá hạn: 5.678.343 đồng, nợ phí: 30.879.280 đồng).

Ông Trần Thành C còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng và Bảng đăng ký phát hành Thẻ tín dụng Quốc tế đã ký.

* *Đối với bị đơn ông Trần Thành C*: Trong quá trình giải quyết vụ án ông C không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam. Tòa án nhân dân Quận 11 đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn ông C không có mặt tại Tòa án nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn theo khoản 1 Điều

196 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát Quận 11 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam về việc buộc ông Trần Thành C phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/4/2023 là 283.347.888 đồng, trong đó số tiền ông C còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019 là 233.243.882 đồng (nợ gốc là 135.760.083 đồng, nợ lãi 97.483.799 đồng); số tiền nợ thẻ tín dụng Thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/7/2019 là 50.104.006 đồng (nợ gốc là 13.546.383 đồng, nợ lãi là 5.678.343 đồng, nợ phí là 30.879.280 đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra ông C còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các thỏa thuận tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam (Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019; Đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019).

Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

* *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam và ông Trần Thành C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn là ông Trần Thành C hiện đang cư trú thực tế tại Quận 11, nên căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

* *Về người tham gia tố tụng:* Bị đơn ông Trần Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 28/02/2023, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Hữu P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về chứng cứ của vụ án:

Nguyên đơn đã nộp bản sao Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019; Đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19, Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019 và nộp các chứng cứ khác về tình trạng pháp lý của nguyên đơn, nhân thân của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp nhưng bị đơn không đến Tòa án và không gửi văn bản trình bày ý kiến, tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là tài liệu bản sao; đồng thời bị đơn không có văn bản phản đối nội dung và tính pháp lý của tài liệu là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bản sao Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019; Đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019 là chứng cứ để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng, xem xét cùng với các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019; Đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19, Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019 do Ngân hàng và ông Trần Thành C ký kết thể hiện sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 400 và Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2015.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc:*

Theo đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19 ngày 23/7/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho ông C số tiền vay là 151.000.000 đồng và cấp cho ông C thẻ tín dụng VIC Cash Back số 512824xxxxxx5423, hạn mức 15.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019, ông C đã trả số tiền nợ gốc là 15,239,917 đồng, nợ lãi 15,533,973 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng VIC Cash Back số 512824xxxxxx5423, ông C đã trả số tiền là 10.739.075 đồng nhưng kể từ ngày 04/5/2021, ông C không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn. Căn cứ theo thỏa thuận tại mục 3.3, Điều 3 Điều khoản điều kiện cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019 ông C đã vi phạm các nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, ông C không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu và xuất trình tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn, ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số

tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận, phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, mục 3.3, Điều 3 Điều khoản điều kiện cấp tín dụng đính kèm Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019.

** Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi:*

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số dư nợ gốc thành nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền nợ lãi là 97.483.799 đồng, mức lãi suất nợ quá hạn là 26,3%/năm (theo Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019), yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi là 5.678.343 đồng, nợ phí là 30.879.280 đồng (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019 - thẻ tín dụng VIC Cash Back số 512824xxxxxx5423), yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo quy định tại các thỏa thuận tín dụng đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Xét việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Thành C trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/4/2023 là 283.347.888 (Hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng, trong đó: nợ gốc 149.306.466 đồng, nợ lãi 103.162.142 đồng, nợ phí là 30.879.280 đồng. (Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019: nợ gốc: 135.760.083 đồng, nợ lãi: 97.483.799 đồng; Đối với khoản vay Thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/7/2019: nợ gốc: 13.546.383 đồng, lãi quá hạn: 5.678.343 đồng, nợ phí: 30.879.280 đồng).

[4] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Thành C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.167.394 (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bốn) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.620.490 (Năm triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín mươi) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam theo biên lai thu số AA/2021/0020438 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị về nội dung và kiến nghị về tố tụng là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 385, Điều 400, Điều 401, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam về việc yêu cầu ông Trần Thành C trả nợ.

Buộc ông Trần Thành C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/4/2023 là 283.347.888 (Hai trăm tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi tám) đồng, trong đó: nợ gốc 149.306.466 đồng, nợ lãi 103.162.142 đồng, nợ phí là 30.879.280 đồng. (Đối với khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019: nợ gốc: 135.760.083 đồng, nợ lãi: 97.483.799 đồng; Đối với khoản vay Thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/7/2019: nợ gốc: 13.546.383 đồng, lãi quá hạn: 5.678.343 đồng, nợ phí: 30.879.280 đồng).Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Trần Thành C còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn quy định tại thỏa thuận tín dụng đã ký kết (Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 1855873.19 ngày 23/7/2019; Đơn dề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1855873(1).19, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản vào ngày 18/7/2019).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Thành C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.167.394 (Mười bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bốn) đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.620.490 (năm triệu sáu trăm hai mươi nghìn bốn trăm chín mươi) đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần AViệt Nam theo biên lai thu số AA/2021/0020438 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Việt Nam, ông Trần Thành C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vũ Vân